

BỘ THỦY SẢN**BỘ THỦY SẢN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 01/2007/TT-BTS****Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2007****THÔNG TƯ****hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26/4/2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư (182)**

Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26/4/2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư;

Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác khuyến ngư như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện nội dung, phương thức hoạt động và tổ chức khuyến ngư.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến ngư và chính sách khuyến ngư thực hiện theo Thông tư liên tịch số 30/2006/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 06/4/2006.

3. Hoạt động khuyến ngư bao gồm

các lĩnh vực: thông tin tuyên truyền; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; xây dựng mô hình và chuyển giao khoa học công nghệ; tư vấn và dịch vụ; hợp tác quốc tế về khuyến ngư.

4. Tổ chức tư vấn và dịch vụ khuyến ngư theo Điều 7 Nghị định 56/2005/NĐ-CP là tổ chức thực hiện phổ biến kỹ thuật, quản lý, cung cấp thông tin về chi phí, giá cả, khả năng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân, nông dân và phổ biến rộng rãi những tiến bộ khoa học kỹ thuật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập theo quy định của pháp luật.

5. Mô hình khuyến ngư công nghệ mới là mô hình công nghệ phát triển thủy sản, trước đó chưa có để đi tắt đón đầu về khoa học công nghệ.

6. Mô hình khuyến ngư công nghệ cao

là mô hình có trình độ công nghệ tiên tiến cho năng suất, hiệu quả cao hơn hẳn công nghệ truyền thống và bảo đảm phát triển bền vững.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC KHUYẾN NGƯ

1. Nội dung hoạt động khuyến ngư

1.1. Thông tin tuyên truyền

a) Thông tin thị trường bao gồm: sự biến động cung, cầu của hàng hóa trên thị trường trong, ngoài nước; thông tin biến động giá cả và vận chuyển hàng hóa; công nghệ sản xuất và hệ thống quy chuẩn chất lượng sản phẩm; các văn bản pháp luật thương mại; kết quả đàm phán ký kết thương mại; thông tin sản xuất, tiếp thị; thông tin dự báo về ngư trường; xây dựng và quảng bá thương hiệu hàng hóa (tên thương mại, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ của hàng hóa); sự phát triển của thị trường thủy sản trong điều kiện tự do hóa thương mại;

b) Thông tin đại chúng bao gồm: xây dựng kênh, chương trình, chuyên mục, trang tin khuyến ngư trên đài truyền hình, đài phát thanh, các báo Trung ương, địa phương; trang Web, hộp thư điện tử khuyến ngư (có sự tham gia của các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo, các doanh nghiệp thủy sản, nông ngư dân sản xuất

giỏi, các tổ chức và cá nhân hoạt động khuyến ngư);

c) Thông tin về văn bản quy phạm pháp luật trong ngành Thủy sản bao gồm: các quy định về phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản, kiểm soát dịch bệnh, sử dụng hóa chất, thức ăn trong nuôi trồng thủy sản;

d) Xuất bản các ấn phẩm khuyến ngư dưới nhiều hình thức đa dạng như tạp chí, tờ tin, tờ rơi, tranh ảnh, áp phích, băng, đĩa, sổ tay, sách kỹ thuật, danh bạ địa chỉ khuyến ngư phục vụ nhu cầu của từng đối tượng hộ nông ngư dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1.2. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

a) Xây dựng tài liệu khuyến ngư bồi dưỡng nâng cao về kiến thức kỹ thuật, quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, kỹ năng tiếp thị và phổ biến kiến thức pháp luật cho nông ngư dân;

b) Tổ chức các lớp dạy nghề cho ngư dân;

c) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho cán bộ khuyến ngư.

1.3. Xây dựng mô hình khuyến ngư và chuyển giao công nghệ thủy sản

a) Tổng kết các mô hình có kết quả tốt về: nuôi trồng, khai thác, bảo quản,

chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá, lưu thông, tiếp thị để tuyên truyền nhân ra diện rộng;

b) Xây dựng các loại mô hình khuyến ngư cho hộ nông ngư dân, hộ trang trại, chủ doanh nghiệp thủy sản, nhà nông ở đô thị;

c) Xây dựng các loại mô hình khuyến ngư áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao ở các mức khác nhau phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ sản xuất và sinh thái từng vùng.

1.4. Tư vấn và cung cấp dịch vụ, thúc đẩy sản xuất

Cán bộ khuyến ngư tư vấn cho nông, ngư dân về chính sách, pháp luật, xây dựng đề án sản xuất, lựa chọn trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ và quản lý sản xuất, cung cấp thông tin thị trường, vật tư, con giống, thức ăn, thuốc chữa bệnh, xúc tiến thương mại, giải pháp bảo vệ môi trường.

1.5. Hợp tác quốc tế

Thông qua hợp tác quốc tế, khuyến ngư tiến hành nhập công nghệ sản xuất, giống mới, tiến hành trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ quản lý, kinh nghiệm công tác của cán bộ khuyến ngư, từ đó giúp cho nhà nước có biện pháp hữu hiệu đẩy mạnh sản xuất thủy sản, xúc tiến thương mại phù hợp điều kiện cụ thể từng địa phương.

2. Phân cấp hoạt động khuyến ngư

2.1. Xây dựng chương trình, đề án, dự án khuyến ngư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

Ở Trung ương: Bộ Thủy sản xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư ngắn hạn và dài hạn cấp quốc gia. Bộ Thủy sản phê duyệt kế hoạch khuyến ngư cụ thể hàng năm.

Ở địa phương: Sở Thủy sản hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, phòng kinh tế huyện xây dựng và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư ngắn hạn và dài hạn ở địa phương. Sở Thủy sản hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch triển khai cụ thể hàng năm.

2.2. Tổ chức triển khai hoạt động khuyến ngư

Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia trực tiếp tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư ngắn hạn, dài hạn cấp quốc gia, cấp vùng theo kế hoạch đã được duyệt.

Trung tâm Khuyến ngư, Khuyến nông, Trung tâm Thủy sản, Trạm Khuyến nông, Khuyến ngư cấp huyện tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư ngắn hạn và dài hạn cấp tỉnh, cấp huyện theo kế hoạch đã được duyệt.

2.3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo khuyến ngư

Bồi dưỡng, tập huấn cho nông ngư dân và cán bộ khuyến ngư tổ chức tại cơ sở không quá 7 ngày.

2.4. Xây dựng mô hình khuyến ngư và chuyển giao công nghệ thủy sản

a) Mô hình trình diễn về những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị lần đầu giới thiệu vào sản xuất tại địa phương, quy mô cho 1 điểm trình diễn như sau:

+ Quy mô một mô hình đối với mỗi hộ nông ngư dân tham gia xây dựng mô hình:

- Mô hình xóa đói giảm nghèo từ 200 - 1.000 m²

- Mô hình nuôi quảng canh không quá 5 ha

- Mô hình nuôi bán thâm canh không quá 2 ha

- Mô hình nuôi thâm canh không quá 1 ha

- Mô hình nuôi cá lồng không quá 100 m³

+ Quy mô mỗi mô hình đối với chủ trang trại, doanh nghiệp, tổ hợp tác:

- Mô hình nuôi quảng canh không quá 10 ha

- Mô hình nuôi bán thâm canh không quá 5 ha

- Mô hình nuôi thâm canh không quá 3 ha

- Mô hình nuôi lồng không quá 1.000 m³

+ Mô hình khai thác, cơ khí, dịch vụ hậu cần: Quy mô 01 - 02 đơn vị thuyền nghề.

+ Mô hình sơ chế, bảo quản và chế biến thủy sản từ 3 - 5 cơ sở;

b) Chuyển giao mô hình ra diện rộng bao gồm các hoạt động: sơ kết, tổng kết, đánh giá các mô hình, tổ chức tham quan, trao đổi, hội thảo tại cơ sở, tuyên truyền phổ biến kết quả mô hình qua các phương tiện thích hợp;

c) Mô hình khuyến ngư công nghệ mới và mô hình khuyến ngư công nghệ cao theo quy định của Bộ Thủy sản.

2.5. Tư vấn, dịch vụ khuyến ngư

Các tổ chức căn cứ vào điều kiện cụ thể để lựa chọn các hình thức tư vấn, dịch vụ dưới đây:

a) Thành lập trung tâm, văn phòng, điểm tư vấn, dịch vụ khuyến ngư theo đúng quy định của pháp luật;

b) Xây dựng chuyên mục, hộp thư diễn đàn tư vấn khuyến ngư trên các phương tiện thông tin đại chúng và ở các địa điểm thuận lợi cho nông ngư dân giao dịch;

c) Liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện vai trò cầu nối tư vấn dịch vụ khuyến ngư đáp ứng nhu cầu của nông ngư dân;

d) Dịch vụ vật tư thủy sản và kỹ thuật theo hợp đồng kinh tế.

2.6. Phân cấp quản lý chương trình, đề án, dự án khuyến ngư triển khai các phương thức sau đây:

a) Các Cục, Vụ chuyên ngành thuộc Bộ Thủy sản thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư do Bộ trưởng Bộ Thủy sản giao; Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh giao;

b) Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia trực tiếp quản lý và triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư cấp Quốc gia được Bộ Thủy sản phê duyệt;

c) Trung tâm Khuyến ngư, Khuyến nông, Trung tâm Thủy sản cấp tỉnh trực tiếp quản lý và triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Trạm khuyến ngư, khuyến nông cấp huyện trực tiếp triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt;

e) Hộ nông dân và các tổ chức, cá nhân tự thực hiện chương trình, đề án, dự án khuyến ngư được các cấp có thẩm quyền giao và phê duyệt.

3. Tổ chức khuyến ngư

3.1. Ở Trung ương

Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia là

đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Thủy sản, theo Quyết định số 18/2003/QĐ-BTS ngày 05/8/2003 và có các trung tâm trực thuộc làm nhiệm vụ

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia do Bộ trưởng Bộ Thủy sản quy định. Trung tâm có đơn vị trực thuộc là các trung tâm tập huấn và chuyển giao công nghệ.

3.2. Ở cấp tỉnh

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tổ chức khuyến ngư địa phương được quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định 56/2005/NĐ-CP, Bộ Thủy sản hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

Trung tâm Khuyến ngư, Trung tâm Thủy sản có hệ thống trạm, trại trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của các Trung tâm.

Giám đốc Trung tâm khuyến ngư cấp tỉnh được hưởng hệ số phụ cấp tương đương với Phó Giám đốc Sở Thủy sản.

Về biên chế căn cứ vào nhiệm vụ và quy mô phát triển nuôi trồng, khai thác, bảo quản chế biến thủy sản, để đào tạo và bố trí đủ số lượng, chất lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động khuyến ngư tại các địa phương.

3.3. Ở cấp quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện)

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa

phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tổ chức khuyến ngư, số lượng, cơ cấu cán bộ khuyến ngư được bố trí phù hợp với yêu cầu khuyến ngư trên địa bàn.

3.4. Tổ chức khuyến ngư cơ sở

Mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 khuyến ngư viên. Đối với các xã ven biển có thủy sản phát triển có thể bố trí từ 02 khuyến ngư viên trở lên; khuyến ngư, khuyến nông viên phải có trình độ từ trung cấp trở lên; ở các xã vùng sâu, vùng xa khuyến ngư viên ít nhất có trình độ phổ thông trung học trở lên hoặc là nông dân có kinh nghiệm sản xuất, có uy tín và khả năng về hoạt động khuyến ngư. Số lượng cán bộ khuyến ngư cấp tỉnh và huyện căn cứ vào số hộ nông ngư dân nuôi trồng thủy sản; đơn vị thuyền nghề khai thác thủy sản và cơ sở bảo quản chế biến thủy sản. Trong đó đối với nuôi trồng thủy sản cứ 100 ha; đối với khai thác thủy sản cứ 200 đơn vị thuyền nghề; đối với bảo quản chế biến cứ 20 cơ sở bảo quản chế biến được định biên 1 cán bộ khuyến ngư biên chế. Cán bộ khuyến ngư có trình độ đại học, trung cấp được hưởng lương theo hệ số, còn lại tùy theo điều kiện cụ thể để trả phụ cấp cho thỏa đáng (lương và các khoản phụ cấp do ngân sách tỉnh chi trả).

Khuyến ngư viên, cộng tác viên khuyến ngư do Ủy ban nhân dân cấp xã tuyển chọn và quản lý, đồng thời có

sự hướng dẫn chuyên môn của tổ chức khuyến ngư, khuyến nông cấp huyện.

3.5. Các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động khuyến ngư theo phương thức tự nguyện thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 56/2005/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở Trung ương

a) Bộ Thủy sản thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến ngư và phân công các Cục, Vụ chuyên ngành trực tiếp thực hiện quản lý;

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các Cục, Vụ thuộc Bộ Thủy sản thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư, bao gồm:

- Tổ chức xây dựng và thẩm định các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư ngắn hạn, dài hạn trình Bộ trưởng;

- Thẩm định và trình duyệt kế hoạch khuyến ngư hàng năm;

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách khuyến ngư;

- Phối hợp cùng Thanh tra Bộ thực hiện việc thanh tra, kiểm tra khuyến ngư;

- Thực hiện chương trình hợp tác quốc tế về khuyến ngư;

- Xác định các tiến bộ khoa học và công nghệ để chuyển giao;

c) Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia:

- Tổng hợp, đề xuất và chủ trì xây dựng các chương trình, đề án, dự án và kế hoạch khuyến ngư thông qua các Cục, Vụ chuyên ngành và Hội đồng tư vấn khuyến ngư quốc gia thẩm định;

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch khuyến ngư quốc gia được Bộ trưởng phê duyệt;

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến ngư trong và ngoài nước để tăng cường các nguồn lực đầu tư và triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư;

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khuyến ngư Trung ương đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

2. Ở địa phương

a) Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư trong phạm vi tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư trên địa bàn huyện;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

chức năng quản lý nhà nước về khuyến ngư trên địa bàn xã. Khuyến ngư viên, cộng tác viên khuyến ngư trực tiếp thực hiện các hoạt động khuyến ngư do Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân khác triển khai;

d) Trung tâm Khuyến ngư, Khuyến nông, Trung tâm Thủy sản quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khuyến ngư trung ương, địa phương đúng đối tượng và quy định pháp luật. Trạm khuyến ngư, trạm thủy sản, khuyến nông các huyện trực tiếp triển khai các chương trình, đề án, dự án khuyến ngư của địa phương, Trung ương trên địa bàn.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Bộ Thủy sản để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Thắng